

## ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY DƯỢC LIỆU Ở VƯỜN QUỐC GIA KON KA KINH, TỈNH GIA LAI

Lê Thị Kim Ngân<sup>1</sup>, Trương Thị Đẹp<sup>1</sup>, Ngô Văn Thắng<sup>2</sup>,  
Trương Bá Vương<sup>3,4</sup>, Đặng Văn Sơn<sup>3,4\*</sup>

<sup>1</sup>Đại học Y dược Tp. Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai

<sup>3</sup>Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

<sup>4</sup>Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

### TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá đa dạng nguồn tài nguyên cây dược liệu tại Vườn Quốc gia (VQG) Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai. Kết quả nghiên cứu bước đầu đã xác định được VQG Kon Ka Kinh có 486 loài cây dược liệu, thuộc 348 chi, 112 họ, 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Có 10 họ thực vật nhiều loài nhất (182 loài) chiếm 37,4% tổng số loài cây dược liệu được ghi nhận. Cây dược liệu thuộc 7 dạng sống chính gồm: cây thân thảo, bụi/bụi trườn, dây leo, cây gỗ lớn, cây gỗ nhỏ, cây phụ sinh và bán ký sinh. Trong các bộ phận được sử dụng làm dược liệu có 4 bộ phận gồm: thân/vỏ thân, rễ/vỏ rễ, lá và cả cây được sử dụng nhiều nhất, chiếm 30,7% đến 39,7%. Đã điều tra được 17 nhóm bệnh sử dụng cây dược liệu để chữa trị, trong đó nhóm bệnh chiếm tỷ lệ % cao nhất là nhóm bệnh về đường tiêu hóa và ít nhất là nhóm bệnh rối loạn chuyển hóa. Đã xác định được danh lục 31 loài cây dược liệu có giá trị bảo tồn tại VQG Kon Ka Kinh và chiếm 6,4% so với tổng số loài ghi nhận được.

**Từ khóa:** Cây dược liệu, đa dạng, Gia Lai, VQG Kon Ka Kinh

### Diversity of medicinal plant at Kon Ka Kinh National Park, Gia Lai province

A study to assess the diversity of medicinal plant resources in Kon Ka Kinh National Park in Gia Lai province was carried out. A total of 486 species of medicinal plants belonging to 348 genera, 112 families of five phyla of vascular plants were identified. There are 10 families with the most species (182 species) accounting for 37.4% of the total species. Stem forms of medicinal plants were divided into seven groups, such as grasses, shrubs, lianas, big trees, small trees, hemiparasites and epiphytics. There are four parts including stem/bark, root/bark, leaves and whole plant are used the most, accounting for 30.7% to 39.7%. Investigated 17 groups of diseases that were treated with medicinal plants, in which gastrointestinal diseases accounted for the highest percentage and diabetes accounted for the lowest percentage. A list of 31 medicinal plant species with conservation value has been identified in Kon Ka Kinh National Park and accounts for 6.4% of the total species.

**Keywords:** Medicinal plants, diversity, Gia Lai, Kon Ka Kinh National Park

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn Quốc gia (VQG) Kon Ka Kinh nằm trong khu vực giữa Đông và Tây của dãy Trường Sơn, thuộc địa bàn ba huyện Mang Yang, Kbang và Đăk Đoa của tỉnh Gia Lai, cách thành phố Pleiku khoảng 50 km về hướng Đông Bắc. VQG Kon Ka Kinh phân bố trong vùng tiếp giáp giữa cao nguyên Pleiku với cao nguyên Kon Hà Nừng, gồm nhiều dãy núi có độ cao trung bình từ 1.200 -1.500 m, cao nhất là đỉnh Kon Ka Kinh 1.748 m. Kon Ka Kinh là một trong những VQG lớn với tổng diện tích tự nhiên là 41.780 ha, nơi có giá trị bảo tồn đa dạng sinh học cao của Tây Nguyên cũng như của Việt Nam, được công nhận là Vườn di sản Asian (18/12/2003). Đây cũng là nơi bảo tồn mẫu chuẩn hệ sinh thái, kho lưu trữ vô giá các loài động thực vật quý hiếm. Do đặc điểm đa dạng về địa hình, đai cao, khí hậu, đất đai và các nhân tố hình thành rừng khác, đã tạo cho hệ thực vật rừng ở VQG Kon Ka Kinh rất phong phú và đa dạng với 1.022 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó có tới 22 loài trong Sách Đỏ Việt Nam năm 2007 và Danh lục Đỏ Thế giới năm 2010 (Hà Thăng Long *et al.*, 2014).

Vùng đệm VQG Kon Ka Kinh rộng lớn với dân số khoảng 31.000 người gồm 11 dân tộc khác nhau sinh sống. Trong đó, người dân tộc thiểu số Ba Na chiếm hơn 80% dân số. Hơn nữa, đất đai vùng này màu mỡ nên đã và đang lôi cuốn người dân di cư từ các tỉnh phía Bắc. Trình độ dân trí thấp, kỹ thuật canh tác lạc hậu nên sản lượng cây trồng thấp, dẫn tới tình trạng thiếu lương thực, đời sống khó khăn. Để cải thiện kinh tế, đa số người dân thường vào rừng tìm kiếm các lâm sản ngoài gỗ, trong đó đặc biệt là cây dược liệu bị thu hái quá mức làm ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn tài nguyên thiên nhiên nói chung và cây dược liệu nói riêng của VQG. Vì vậy, việc nghiên cứu, điều tra, đánh giá nguồn tài nguyên cây dược liệu ở VQG Kon Ka Kinh để làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các chiến lược bảo tồn,

quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên là rất cần thiết ở hiện tại và trong tương lai.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả các loài thực vật có giá trị dược liệu ở VQG Kon Ka Kinh, Gia Lai.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

*Thời gian thực hiện nghiên cứu:* Tháng 6/2020 đến tháng 4/2021.

*Phương pháp kế thừa:* Tập hợp, phân tích, thu thập thông tin từ các công trình khoa học, các kết quả khảo sát đánh giá nhanh, sách, tạp chí, các tư liệu khoa học có liên quan đến đối tượng nghiên cứu.

*Phòng vấn PRA (Participatory Rapid/Rural Appraisal):* Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân được thực hiện theo Gary J. Martin (2002) "Thực vật dân tộc học". Phòng vấn các thầy lang (30 người), những người thu hái (35 người), mua bán (30 người) và người dân (35) sống xung quanh VQG Kon Ka Kinh về những kinh nghiệm sử dụng các loài cây dược liệu và các bài thuốc chữa bệnh gia truyền.

*Thu mẫu ngoài thực địa:* Tiến hành điều tra, khảo sát theo 30 tuyến (mỗi tuyến 500 × 10 m) ở những sinh cảnh đại diện có sự tham gia của người dân địa phương, cán bộ quản lý VQG để thu thập mẫu tiêu bản, làm cơ sở để xác định tên taxon và xây dựng danh lục thành phần loài.

*Xử lý mẫu và giám định tên:* Các mẫu tiêu bản sau khi xử lý sơ bộ ngoài thực địa được đem về phòng thí nghiệm, tiếp tục xử lý và sấy khô, lên tiêu bản, giám định tên và lưu trữ trong bộ sưu tập của Bảo tàng. Việc giám định tên khoa học được thực hiện theo phương pháp chuyên gia và phương pháp hình thái so sánh trên cơ sở các tài liệu chuyên ngành của Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2000), Võ Văn Chi (2012), Đỗ Tất Lợi

(2009), Đỗ Huy Bích (2006), và đồng thời so mẫu với bộ mẫu chuẩn đang lưu giữ tại Bảo tàng động thực vật thuộc Viện Sinh học nhiệt đới.

*Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây dược liệu:* Dựa trên phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn trong các phương pháp nghiên cứu thực vật (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007).

*Phương pháp đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây dược liệu:* Xác định loài nguy cấp theo Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019), Danh lục Đỏ IUCN (2020). Sắp xếp các bậc taxon theo Takhtajan (2009). Cập nhật tên khoa học cây dược liệu theo The Plant List (2020).

### III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Đa dạng các bậc taxon nguồn tài nguyên cây dược liệu ở Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh

Từ kết quả điều tra, chúng tôi đã ghi nhận được nguồn tài nguyên cây dược liệu ở VQG Kon Ka

Kinh có 486 loài, 348 chi, 112 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch bao gồm ngành Thông đất (Lycopodiophyta), Cỏ tháp bút (Equisetophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, ngành Thông đất có 7 loài, 3 chi, 2 họ là: Thông đất (Lycopodiaceae) và Quyển bá (Selaginellaceae); ngành Cỏ tháp bút có 1 loài, 1 chi, 1 họ là Cỏ tháp bút (Equisetaceae); ngành Dương xỉ có 20 loài, 15 chi, 10 họ gồm: Tổ diều (Aspleniaceae), Rau dớn (Athyriaceae), Ráng lá dứa (Blechnaceae), Ráng đà hoa (Davalliaceae), Ráng đại dực (Dennstaedtiaceae), Quạt xòe (Lindsaeaceae), Ráng sẹ gà (Pteridaceae), Guột (Gleicheniaceae), Bồng bong (Lygodiaceae) và Dương xỉ (Polypodiaceae); ngành Thông có 11 loài, 9 chi, 5 họ gồm: Hoàng đàn (Cupressaceae), Dây gắm (Gnetaceae), Thông (Pinaceae), Kim giao (Podocarpaceae) và Thông đỏ (Taxaceae); ngành Ngọc lan có 447 loài 320 chi, 94 họ (bảng 1).

**Bảng 1.** Phân bố các các ngành cây dược liệu ở VQG Kon Ka Kinh

Ngành	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thông đất (Lycopodiophyta)	2	1,8	3	0,9	7	1,4
Cỏ tháp bút (Equisetophyta)	1	0,9	1	0,3	1	0,2
Dương xỉ (Polypodiophyta)	10	8,9	15	4,3	20	4,1
Thông (Pinophyta)	5	4,5	9	2,6	11	2,3
Ngọc lan (Magnoliophyta)	94	83,9	320	92,0	447	92,0
<b>Tổng cộng</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>348</b>	<b>100</b>	<b>486</b>	<b>100</b>

Qua dữ liệu trên cho thấy, nguồn tài nguyên cây thuốc ở VQG Kon Ka Kinh tập trung chủ yếu vào ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), đây là ngành đa dạng nhất với 447 loài (chiếm 92,0%), 320 chi (chiếm 92,0%) và 94 họ

(chiếm 83,9%). Sự phân bố không đồng đều của các taxon không chỉ được thể hiện giữa các ngành mà còn thể hiện qua sự chiếm ưu thế của các lớp trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) như bảng 2.

**Bảng 2.** Phân bố các taxon trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)

Lớp	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Hành (Liliopsida)	12	10,7	54	15,5	74	15,2
Ngọc lan (Magnoliopsida)	82	73,2	266	76,4	373	76,7
<b>Tổng cộng</b>	<b>94</b>	<b>83,9</b>	<b>320</b>	<b>92,0</b>	<b>447</b>	<b>92,0</b>

Kết quả cho thấy, trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 373 loài (chiếm 76,7% tổng số loài cây dược liệu), 266 chi (chiếm 76,4%) và 82 họ (chiếm 73,2%). Trong khi đó lớp Hành (Liliopsida) có số loài ít hơn, 74 loài (15,2%) trong 54 chi (chiếm 15,5%) và 12 họ (chiếm 10,7%). Như vậy, lớp Ngọc lan có số lượng cây dược liệu chiếm ưu thế trong ngành Ngọc lan cũng như trong hệ thực vật ở VQG.

**3.2. Các họ cây dược liệu đa dạng nhất ở VQG Kon Ka Kinh**

Khi đánh giá tính đa dạng của cây dược liệu trong một khu vực nghiên cứu, tỷ lệ (%) của

họ có nhiều loài nhất là chỉ số so sánh đáng tin cậy và không phụ thuộc vào diện tích nghiên cứu. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành phân tích 10 taxon ở bậc họ và chỉ có nhiều loài nhất. Trong đó, có 10 họ thực vật nhiều loài nhất với tổng số 182 loài (chiếm 37,4% tổng số loài cây dược liệu ở VQG) gồm: họ Đậu (Fabaceae) có số lượng loài nhiều nhất với 36 loài, kế đến là họ Cúc (Asteraceae) và họ Cà phê (Rubiaceae) có cùng số loài là 21, họ Dâu tằm 17 loài, họ Lan (Orchidaceae), họ Hoa môi (Lamiaceae), họ Ráy (Araceae) có cùng số loài là 16, còn lại 3 họ cùng số loài là 13 gồm: họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Bông (Malvaceae) và họ Diệp hạ châu (Phyllanthaceae) (bảng 3).

**Bảng 3.** Thống kê 10 họ có nhiều loài cho dược liệu nhất ở VQG Kon Ka Kinh

STT	Họ thực vật	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đậu (Fabaceae)	36	7,4
2	Cúc (Asteraceae)	21	4,3
3	Cà phê (Rubiaceae)	21	4,3
4	Dâu tằm (Moraceae)	17	3,5
5	Lan (Orchidaceae)	16	3,3
6	Hoa môi (Lamiaceae)	16	3,3
7	Ráy (Araceae)	16	3,3
8	Thầu dầu (Euphorbiaceae)	13	2,7
9	Bông (Malvaceae)	13	2,7
10	Diệp hạ châu (Phyllanthaceae)	13	2,7
	<b>Tổng cộng</b>	<b>182</b>	<b>37,4</b>

**3.3. Đa dạng về dạng sống nguồn tài nguyên cây dược liệu ở VQG Kon Ka Kinh**

Theo cách phân chia của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997, 2001) thì dạng sống của cây dược liệu

VQG Kon Ka Kinh được chia thành 7 nhóm chính: thân thảo, bụi/bụi trườn, dây leo, gỗ lớn, gỗ nhỏ, phụ sinh và bán ký sinh. Trong đó, nhóm thân thảo (C) có số lượng loài nhiều

nhất với 153 loài chiếm 31,5% tổng số loài cây dược liệu. Nhóm cây bụi/bụi trườn (B) có 101 loài, chiếm 20,8%. Nhóm dây leo (DL) có 61 loài, chiếm 12,6%. Nhóm cây gỗ lớn (GL) có 67 loài, chiếm 13,8%. Nhóm cây gỗ nhỏ (GN)

có 92 loài, chiếm 18,9%. Nhóm cây phụ sinh (PS) có 7 loài, chiếm 1,4%. Nhóm cây bán ký sinh (BKS) có số lượng loài ít nhất với 5 loài, chiếm 1,0% (bảng 4).

**Bảng 4.** Đa dạng về dạng sống của nguồn tài nguyên cây thuốc ở Kon Ka Kinh

STT	Dạng sống	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Thân thảo (Cỏ xước, Đại bi, Cỏ lào,...)	153	31,5
2	Bụi/bụi trườn (Ngọc nữ, Ké hoa đào,...)	101	20,8
3	Dây leo (Lạc tiên, Bìm vàng,...)	61	12,6
4	Gỗ lớn (Sung, Giáng hương,...)	67	13,8
5	Gỗ nhỏ (Bời lời, Ruối trắng,...)	92	18,9
6	Phụ sinh (Ráng can xỉ, Tổ điều,...)	7	1,4
7	Bán ký sinh (Đại cán, Chùm gửi,...)	5	1,0

### 3.4. Đa dạng về bộ phận sử dụng của nguồn tài nguyên cây dược liệu ở VQG Kon Ka Kinh

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi chia các bộ phận sử dụng của cây dược liệu làm 7 nhóm chính gồm: toàn cây, thân - vỏ thân, rễ - vỏ rễ, lá, quả - hạt, hoa và bộ phận khác (tinh dầu, nhựa, bào tử,...). Bộ phận được sử dụng nhiều nhất là thân - vỏ thân với 193 loài (chiếm 39,7%), đây là bộ phận dễ thu hái với nhiều cách sử dụng khác nhau (sắc, hầm, giã đắp, nấu nước lấy dịch rửa,...), có thể dùng tươi hoặc phơi, sấy khô để dùng dần. Tiếp

đến là Rễ - vỏ rễ có 189 loài (chiếm 38,9%), nhóm này có thể dùng tươi hoặc khô. Lá cũng được sử dụng khá nhiều với 176 loài (chiếm 36,2%), bộ phận này cũng dễ thu hái và có nhiều cách sử dụng khác nhau. Toàn cây được sử dụng với 149 loài (chiếm 30,7%), thường là những cây thân thảo, dễ thu hái và bảo quản nhất. Quả - hạt có 91 loài được sử dụng (chiếm 18,7%). Hoa và các bộ phận khác cũng được sử dụng với số loài lần lượt là 32 (chiếm 6,6%) và 29 (chiếm 6,0%) (bảng 5).

**Bảng 5.** Đa dạng bộ phận cây dược liệu được sử dụng

STT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Toàn cây	149	30,7
2	Thân - vỏ thân	193	39,7
3	Rễ - vỏ rễ	189	38,9
4	Lá	176	36,2
5	Hoa	32	6,6
6	Quả, hạt	91	18,7
7	Khác	29	6,0

### 3.5. Đa dạng về công dụng chữa bệnh của nguồn tài nguyên cây dược liệu ở VQG Kon Ka Kinh

Theo kinh nghiệm cổ truyền, một loài cây dược liệu có thể chữa được nhiều bệnh và ngược lại, kết hợp nhiều cây dược liệu để trị

một bệnh. Theo một số tài liệu chuyên ngành kết hợp với quá trình điều tra nghiên cứu, phỏng vấn các thầy lang, người thu hái thuốc, cán bộ VQG và người dân địa phương, chúng tôi tạm phân chia cây dược liệu ở VQG Kon Ka Kinh làm 17 nhóm bệnh chữa trị (bảng 6).

**Bảng 6.** Tỷ lệ số loài có công dụng chữa trị các nhóm bệnh cụ thể

STT	Nhóm bệnh cụ thể	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhóm bệnh đường tiêu hóa (tiêu chảy, ỉa, đau bụng,...)	239	49,2
2	Nhóm bệnh ngoài da (dị ứng, mụn nhọt, mẫn ngứa,...)	211	43,4
3	Nhóm bệnh về xương khớp (đau nhức, bong gân,...)	181	37,2
4	Nhóm bệnh về gan, thận (viêm gan, lợi tiểu,...)	134	27,6
5	Nhóm bệnh về đường hô hấp (viêm phổi, ho,...)	114	23,5
6	Nhóm bệnh phụ nữ, sinh sản, sinh dục, sinh lý	101	20,8
7	Nhóm giải độc	71	14,6
8	Nhóm bệnh do thời tiết (cảm sốt, nhức đầu,...)	68	14,0
9	Nhóm bệnh về tai, mũi, họng	66	13,6
10	Nhóm bệnh do động vật, côn trùng cắn	65	13,4
11	Nhóm thuốc bổ (suy dinh dưỡng, tăng sinh lực,...)	33	6,8
12	Nhóm bệnh về hệ thần kinh (an thần, dễ ngủ,...)	30	6,2
13	Nhóm bệnh về mắt (đau mắt, đỏ mắt,...)	20	4,1
14	Nhóm bệnh về tim mạch (suy tim, huyết áp,...)	14	2,9
15	Nhóm bệnh về ung bướu	11	2,3
16	Nhóm bệnh rối loạn chuyển hóa (bệnh tiểu đường)	7	1,4
17	Nhóm bệnh khác	45	9,3

Từ bảng trên cho thấy, nguồn tài nguyên cây dược liệu ở VQG Kon Ka Kinh được sử dụng để trị 17 nhóm bệnh. Trong đó, nhóm bệnh đường tiêu hóa (tiêu chảy, ỉa, đau bụng,...) chiếm tỷ lệ cao nhất (49,2%) với 239 loài, nhóm này có các loài đặc trưng như: Bồ quả trái nhỏ (*Uvaria littoralis* (Blume) Blume), Ba gạc lá to (*Rauwolfia verticillata* (Lour.) Baill.), Cỏ nhọ nôi (*Eclipta prostrata* (L.) L.), Chân chim tám lá (*Schefflera heptaphylla* (L.) Frodin),... và ít nhất là nhóm bệnh rối loạn chuyển hóa (bệnh tiểu đường) với 7 loài, chiếm 1,4%, nhóm này gồm các loài như: Me rừng (*Phyllanthus emblica* L.), Mảnh bát (*Coccinia grandis* (L.) Voigt), Móc mèo xanh (*Caesalpinia digyna* Rottler), Bời lời nhót (*Litsea glutinosa* (Lour.) C.B.Rob.),...

**3.6. Những cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn ở Việt Nam đã ghi nhận được ở VQG Kon Ka Kinh**

Theo Sách Đỏ Việt Nam (SĐVN, 2007), Danh lục Đỏ IUCN (IUCN, 2020) và Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (DLĐCTVN, 2019) thì VQG Kon Ka Kinh có 31 loài cây dược liệu (chiếm 6,4% tổng số loài) có giá trị bảo tồn (bảng 7). Trong đó, theo Sách Đỏ Việt Nam thì có 12 loài được xếp ở thứ hạng Nguy cấp - EN (Endangered), 7 loài được xếp ở thứ hạng Sẽ nguy cấp - VU (Vulnerable) và 1 loài được xếp ở thứ hạng Rất nguy cấp - CR (Critically endangered); còn theo Danh lục Đỏ IUCN có 2 loài được xếp ở thứ hạng Nguy cấp, 5 loài được xếp ở thứ hạng Sẽ nguy cấp, 1 loài được xếp ở thứ hạng Rất nguy cấp và 8 loài được xếp ở thứ hạng Ít nguy cấp - LR (Lower risk); còn theo Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam thì có 8 loài được xếp ở thứ hạng Nguy cấp, 4 loài được xếp ở thứ hạng Sẽ nguy cấp và 1 loài được xếp ở thứ hạng Rất nguy cấp.

**Bảng 7.** Danh lục cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn ghi nhận ở VQG Kon Ka Kinh

ST T	Tên loài	Họ thực vật	SĐVN 2007	IUCN 2020	DLĐCTVN 2019
1	Quyển bá trường sinh ( <i>Selaginella tamariscina</i> (P.Beauv.) Spring)	Selaginellaceae	VU		VU
2	Cốt toái bồ ( <i>Drynaria roosii</i> Nakaïke)	Polypodiaceae	EN		EN
3	Pơ mu ( <i>Fokienia hodginsii</i> (Dunn) A.Henry & H.H.Thomas)	Cupressaceae	EN	VU	EN
4	Thông 5 lá Đà Lạt ( <i>Pinus dalatensis</i> Ferré)	Pinaceae		LR	
5	Thông 3 lá ( <i>Pinus merkusii</i> Jungh. & de Vriese)	Pinaceae		VU	
6	Bạch tùng ( <i>Dacrycarpus imbricatus</i> (Blume) de Laub.)	Podocarpaceae		LR	
7	Thông tre ( <i>Podocarpus neriifolius</i> D.Don)	Podocarpaceae		LR	
8	Đình tùng ( <i>Cephalotaxus mannii</i> Hook.f.)	Taxaceae	VU	VU	
9	Sữa, Mò cua ( <i>Alstonia scholaris</i> (L.) R.Br.)	Apocynaceae		LR	
10	Ba gạc vòng ( <i>Rauwolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.)	Apocynaceae	VU		VU
11	Tế hoa petelot ( <i>Asarum petelotii</i> O.C.Schmidt)	Aristolochiaceae			EN
12	Dó đất, Nấm đất ( <i>Balanophora laxiflora</i> Hemsl.)	Balanophoraceae	EN		EN
13	Sơn dương ( <i>Rhopalocnemis phalloides</i> Jungh.)	Balanophoraceae	EN		EN
14	Đạt phước ( <i>Millingtonia hortensis</i> L.f.)	Bignoniaceae	VU		
15	Cổ yếm, Dàn Toòng ( <i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino)	Cucurbitaceae	EN		
16	Nần nghệ, Từ collet ( <i>Dioscorea collettii</i> Hook.f.)	Dioscoreaceae	EN		VU
17	Dầu trà beng ( <i>Dipterocarpus obtusifolius</i> Teijsm. ex Miq.)	Dipterocarpaceae		LR	
18	Dầu rái ( <i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb. ex G.Don)	Dipterocarpaceae		VU	
19	Gỗ đỏ ( <i>Azelia xylocarpa</i> (Kurz) Craib)	Fabaceae		EN	
20	Xây, Lá mét ( <i>Dialium cochinchinense</i> Pierre)	Fabaceae		LR	
21	Giáng hương ( <i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz)	Fabaceae	EN	EN	
22	Vù hương, Re hương ( <i>Cinnamomum porrectum</i> (Roxb.) Kosterm.)	Lauraceae	CR	LR	
23	Giổi xương ( <i>Magnolia baillonii</i> Pierre)	Magnoliaceae	VU	LR	
24	Thiên lý hương ( <i>Embelia parviflora</i> Wall. ex A.DC.)	Primulaceae	VU		VU
25	Sến mật ( <i>Madhuca pasquieri</i> (Dubard) H.J.Lam)	Sapotaceae	EN	VU	
26	Trầm hương ( <i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte)	Thymelaeaceae	EN	CR	CR
27	Thiên niên kiện lá hình thìa ( <i>Homalomena pierreana</i> Engl.)	Araceae	VU		
28	Thạch học vôi ( <i>Dendrobium plicatile</i> Lindl.)	Orchidaceae			EN
29	Lan kim tuyến ( <i>Anoectochilus setaceus</i> Blume)	Orchidaceae	EN		EN
30	Giải thùý sa pa ( <i>Anoectochilus chapaensis</i> Gagnep.)	Orchidaceae	EN		EN
31	Kim điệp thân phình ( <i>Dendrobium chrysotoxum</i> Lindl.)	Orchidaceae	EN		

### 3.7. Thảo luận

Nguồn tài nguyên cây dược liệu của VQG Kon Ka Kinh khá đa dạng và phong phú với 486 loài, chiếm 47,6% tổng số loài (1.022 loài của VQG), trong số đó, nhiều loài không chỉ có giá trị khoa học mà còn có tiềm năng cho phát triển kinh tế địa phương như: Cốt toái bồ (*Drynaria roosii* Nakaike) với thành phần hóa học chính là tinh bột, flavonoid có tác dụng bổ thận, làm liền xương, giảm đau, trị các chứng như: Thận hư, thắt lưng đau, tai, đau do sang chấn, bong gân, gãy xương, còn dùng ngoài điều trị hói, lang ben; Mật nhân (*Eurycoma longifolia* Jack), có tên thường gọi khác là Bá bệnh, với các thành phần như alkaloid, coumarin được sử dụng phổ biến với các tác dụng: chống ký sinh trùng sốt rét, gây độc tế bào, tăng cường sinh dục, chống tiểu đường, chống viêm và phòng ngừa loãng xương; Thiên niên kiện (*Homalomena occulta* (Lour.) Schott) có chứa tinh dầu (0,8 - 1%) - linalol, terpineol dùng để trừ phong thấp, cường gân cốt; Vàng đắng (*Cosciniium fenestratum* (Goetgh.) Colebr.) với thành phần chính là alkaloid - berberin có tác dụng: Thanh nhiệt, giải độc, sát trùng, lợi thấp, lợi mật, dùng chữa viêm ruột, tiêu chảy, viêm túi mật, viêm gan; Lan kim tuyến (*Anoectochilus setaceus* Blume) được biết chứa một số nhóm chất: anthraquinon glycosid, glycosid tim, cacbohydrad, phenolic, tannin, flavonoid và saponin,... được sử dụng với nhiều tác dụng như: Hỗ trợ trị bệnh tiểu đường, bệnh về gan, phòng ngừa ung thư,...; Núc nác (*Oroxylum indicum* (L.) Kurz) có tác dụng thanh nhiệt, lợi thấp, chữa mẩn ngứa dị ứng, viêm họng, tiểu buốt,...; Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria* Lour.) - palmatin có tác dụng thanh nhiệt tiêu viêm, lợi thấp, giải độc,

dùng chữa đau mắt đỏ, viêm họng, mụn nhọt mẩn ngứa, kiết lỵ, viêm bàng quang,...

VQG Kon Ka Kinh có giá trị đa dạng sinh học rất cao với nhiều hệ sinh thái rừng đặc trưng và còn khá nguyên vẹn, đặc biệt là có 2.000 ha rừng hỗn giao giữa các loài cây lá rộng và lá kim, với nhiều loài không chỉ có giá trị bảo tồn mà còn có giá trị dược liệu rất lớn. Tuy nhiên, trong những năm gần đây do áp lực về gia tăng dân số cùng với quá trình đô thị hóa nhanh đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác bảo tồn nguồn tài nguyên đa dạng sinh học nói chung và cây dược liệu nói riêng của Vườn Quốc gia. Do đó, cần có chính sách ưu tiên bảo vệ hợp lý, chú trọng đến công tác bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên kết hợp với tạo sinh kế bền vững cho người dân sống ở vùng đệm và xung quanh Vườn Quốc gia.

### IV. KẾT LUẬN

Cây dược liệu ở VQG Kon Ka Kinh có 486 loài, 348 chi, 112 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch bao gồm: ngành Thông đất (Lycopodiophyta), Cỏ tháp bút (Equisetophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, có 31 loài cây dược liệu có giá trị bảo tồn theo thang đánh giá của Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ của IUCN (2020) và Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019).

Dạng thân của cây dược liệu có 7 nhóm chính gồm: thân thảo, bụi/bụi trườn, dây leo, gỗ lớn, gỗ nhỏ, phụ sinh và bán ký sinh.

Kết quả đã ghi nhận được 7 nhóm bộ phận sử dụng và 17 nhóm bệnh được chữa trị bằng cây dược liệu.



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đỗ Huy Bích, 2006. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập I, II. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007. Sách Đỏ Việt Nam - Phần thực vật. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
3. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, tập 1, 2. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Phạm Hoàng Hộ, 1999 - 2000. Cây cỏ Việt Nam, tập 1, 2, 3. Nhà xuất bản Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Hà Thăng Long, Nguyễn Văn Hoan, Nguyễn Thị Tịnh, Trần Hữu Vỹ, Nguyễn Ái Tâm, Bùi Văn Tuấn, Nguyễn Thị Tiên, 2014. Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, vùng đa dạng sinh học quan trọng của Tây Nguyên. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Đỗ Tất Lợi, 2009. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
7. Martin J.G., 2002. Thực vật Dân tộc học (sách dịch). Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
8. Nguyễn Tập, 2019. Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam. Tạp chí Dược liệu 24 (6): 319 - 328.
9. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang tra cứu đa dạng sinh vật. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
10. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2001. Thực vật học dân tộc - Cây thuốc của đồng bào Thái Con Cuông Nghệ An. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
11. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Takhtajan A., 2009. Flowering plants, Springer Science & Business Media.
13. <https://www.theplantlist.org>.
14. <http://www.iucnredlist.org>.

**Email tác giả liên hệ:** [dvsonitb@gmail.com](mailto:dvsonitb@gmail.com)

**Ngày nhận bài:** 13/04/2021

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa:** 26/07/2021

**Ngày duyệt đăng:** 03/08/2021